

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 18/01/2018

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dần
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bá Khiên
Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa
- T ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – T ký Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2017/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX - ST ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngân Thị T, sinh 1979 địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện M, tỉnh Hòa Bình.

- **Bị đơn:** Anh Hà Văn N, sinh năm 1997; Nơi ĐKKHKT: Xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang chấp hành án tại Đội 34 – K3, trại giam Thanh Xuân, địa chỉ: Xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Ngân Thị T; vắng mặt anh Hà Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/11/2017, bản tự khai tại Tòa án 15/11/2017, nguyên đơn là chị Ngân Thị T trình bày: Chị T và anh Hà Văn N qua tìm hiểu đã kết hôn với nhau là tự nguyện, được UBND xã X, huyện M, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/11/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống chung với nhau tại gia đình nhà anh N tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân bình Tòng, nhưng đến khoảng đầu năm 2006 thì chị T phát hiện anh N nghiện chất ma túy, từ đó cuộc sống hôn nhân bắt đầu mâu thuẫn, cãi vã. Chị T và gia đình khuyên bảo anh N cai nghiện, tìm mọi cách cho anh N từ bỏ ma túy nhưng anh Hà Văn N vẫn không thay đổi, nghiện ngập ngày nặng hơn. Sau đó anh N bị bắt và đi chấp hành án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đến năm

2009 anh N mãn hạn tù trở về địa phương, tưởng sau lần đó anh N sẽ thay đổi, trở về làm lại cuộc đời cùng chị T nuôi dạy con cái, nhưng anh N vẫn tái nghiện và năm 2011 lại bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Từ đó đến nay anh N đi chấp hành án phạt tù. Trong thời gian này chị T cũng chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở xóm T, xã X, huyện M để sinh sống. Nhận thấy mâu thuẫn đã quá trầm trọng, hôn nhân hiện tại chỉ tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không còn tình cảm với anh N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Hà Văn N.

- Về con chung: Chị Ngân Thị T và anh Hà Văn N có 01 con chung, tên Hà Ngọc A, sinh ngày 01/5/2003, vì anh N đang chấp hành án phạt tù, không có khả năng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên chị T đề nghị Tòa án giao con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Ngân Thị T chưa yêu cầu anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền thăm nom con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2017, bị đơn anh Hà Văn N khai thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng anh chị đúng như chị Ngân Thị T trình bày. Vợ chồng chung sống với nhau bình Tòng những năm đầu sau kết hôn, nhưng đến năm 2011 do mâu thuẫn vợ chồng nên chính anh N là người đuổi chị T đi khỏi nhà, kể từ đó vợ chồng bắt đầu cuộc sống ly thân nhau. Nay chị T cho rằng tình cảm vợ chồng đã hết, chị muốn ly hôn thì anh N cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn nhau.

- Anh Hà Văn N công nhận anh chị có một con chung tên là Hà Ngọc A, sinh ngày 01/5/2003. Anh N không đồng ý giải quyết giao con cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con vì theo anh N việc giao con cho chị T sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống học hành của cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung : Anh Hà Văn N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Cũng trong biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2017 anh Hà Văn N đề nghị được xét xử vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội (Cơ quan nhận ủy thác thu thập chứng cứ) chuyển biên bản lấy lời khai cho Tòa án nhân dân huyện Mai Châu để xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Ngân Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Hà Văn N. Về con chung: Có một con chung tên là Hà Ngọc A, sinh ngày 01/5/2003. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh Hà Văn N có quyền thăm nom con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu phát biểu quan điểm về vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngân Thị T đối với anh Hà Văn N và xử cho chị Ngân Thị T được ly hôn anh Hà Văn N. Về con chung đề nghị giao con cho Ngân Thị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Hà Văn N có quyền thăm nom con. Về tài sản chung và nợ chung : Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến. Về án phí: Chị Ngân Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Châu tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2017 chị Ngân Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn N, Nơi ĐKKHKT: Xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang chấp hành án tại Đội 34 – K3, trại giam Thanh Xuân, địa chỉ: Xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mai Châu thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]Trước phiên họp và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị T không yêu cầu đương sự khác cung cấp chứng cứ cho mình.

[5]Về xét xử vắng mặt bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2017 anh Hà Văn N do đang chấp hành án nên anh Hà Văn N có đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự, cũng như đảm bảo thời hạn tố tụng Tòa án.

[6]Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ngân Thị T và anh Hà Văn N là tự nguyện, hợp pháp, được UBND xã X, huyện M, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu sau kết hôn cuộc sống hôn nhân bình thường nhưng đến năm 2006 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh N nghiện ma túy, nhiều lần bị kết án về các tội liên quan đến ma túy. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau đã lâu. Chị T không còn tình cảm với anh Nam, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh N cũng thừa nhận mâu thuẫn, nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Do vậy cần chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của

chị Ngân Thị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7]Về con chung: Chị Ngân Thị T và anh Hà Văn N có 01 con chung, tên là Hà Ngọc A, sinh ngày 01/5/2003. Hiện cháu đang học lớp 9 trường THCS Nội trú huyện Mai Châu, cháu sống, sinh hoạt và học tập tại trường vào cả tuần, cuối tuần cháu mới về thăm ông bà và mẹ. Vì anh Hà Văn N đang đi chấp hành án nên khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị T chưa yêu cầu anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con. Anh Hà Văn N có quyền thăm nom con. Xét yêu cầu của chị Ngân Thị T là phù hợp với điều kiện về trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, hơn nữa phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Ngọc A.

[8]Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngân Thị T và anh Hà Văn N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]Về án phí: Chị Ngân Thị T phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10]Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Hà Văn N vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 ; Điều 228 ; Điều 271; Điều 273 ; Điều 278 ; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngân Thị T đối với anh Hà Văn N. Chị Ngân Thị T được ly hôn anh Hà Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Hà Ngọc A, sinh ngày 01/5/2003 cho chị Ngân Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ngân Thị T chưa yêu cầu anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong

trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ngân Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002634 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo . Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB ;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- THA dân sự;
- UBND xã X;
- UBND TT M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)
Lò Văn Dân